TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BA ĐỒN** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 05/2022/QĐST-TCDS	*Ba Đồn, ngày 17 tháng 3 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 147; Điều 212; Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 13; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội "Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án" và điểm b Điều 1.3 Phần 1, Mục II Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 09 tháng 3 năm 2022 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 50/2021/TLST-TCDS ngày 04 tháng 8 năm 2021,

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần Á; địa chỉ: số 442, đường N, phường 5, quận 3, thành phố Hồ Chi Minh;

Người đại diện theo pháp luật: ông Từ Tiến Ph - Tổng giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền: bà Vũ Thị Anh Đ - Giám đốc Phòng quản lý nợ;

Người đại diện theo ủy quyền lại tham gia tố tụng: bà Nguyễn Ngọc Th - Nhân viên Chi nhánh Quảng Bình;

Địa chỉ: số 257 Tr, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình.

2. Bị đơn: ông Bùi Ngọc H, sinh năm 1996 và bà Trần Thị L, sinh năm 1998; địa chỉ: Khu phố 6, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về khoản nợ: Số tiền ng Bùi Ngọc H và bà Trần Thị L còn nợ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á (theo Hợp đồng cấp tín dụng số BDN.CN.2728.300719 ngày 31/7/2019 và Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 06/08/2019), tính đến hết ngày 09/03/2022 là 115.386.849 đồng; trong đó bao gồm: dư nợ gốc là 87.226.746 đồng, lãi trong hạn là 10.981.402 đồng, lãi quá hạn 16.546.334 đồng, phạt chậm trả lãi 632.367 đồng.

2.2.Cam kết trả nợ: ông Bùi Ngọc H và bà Trần Thị L chịu trách nhiệm trả toàn bộ số tiền nợ nói trên và số tiền lãi phát sinh kể từ ngày 10/03/2022 cho đến ngày thực tế thanh toán hết nợ gốc cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á theo lộ trình như sau: Mỗi tháng trả 5.000.000đ, trả vào ngày 30 hàng tháng, kỳ trả nợ đầu tiên là ngày 30/03/2022; đến kỳ trả nợ ngày 30/12/2022 ông H, bà L phải trả cho Ngân hàng TMCP Á toàn bộ số tiền nợ gốc, lãi và lãi phát sinh còn lại theo các Hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ mà các bên đã ký kết để thanh lý khoản vay.

2.3 Về xử lý tài sản thế chấp: Trường hợp ông H và bà L vi phạm bất kỳ kỳ trả nợ nào theo cam kết nêu trên coi như vi phạm toàn bộ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần Á có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số BDN.BĐCN.461.300719 ngày 31/7/2019 là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 216, tờ bản đồ số 9; địa chỉ: khu phố 6, phường Ba Đồn, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình; được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CR 153736, ngày 20/6/2019, mang tên ông Bùi Ngọc H và Bà Trần Thị L.

2.4. Kể từ ngày tiếp theo của ngày lập biên bản hòa giải thành (09/3/2022) cho đến khi thanh toán hết nợ gốc, ông Bùi Ngọc H và bà Trần Thị L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ, Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng, Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của ACB đã ký kết cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

2.5. Về chi phí thẩm định: Các bên thỏa thuận bị đơn chịu 3.000.000 đồng. Nguyên đơn đã nộp tạm ứng chi phí thẩm định nên bị đơn ông Bùi Ngọc H và bà Trần Thị L có nghĩa vụ hoàn trả toàn bộ số tiền 3.000.000 đồng cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Á.

2.6 . Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 2.884.671 đồng *(Hai triệu, tám trăm tám mươi bốn nghìn, sáu trăm bảy mươi mốt đồng)* [Cách tính: (115.386.849 x 5%) x 50%].

Ông H và bà L chưa nộp án phí sơ thẩm.

Ngân hàng Thương mại cổ phần Á không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 3.087.000 đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ba Đồn theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002355 ngày 04/8/2021.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. *Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình;
- Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn;
- Chi cục THA dân sự thị xã Ba Đồn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Phan Anh Đức